

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC TẠI KHU BẢO TỒN BIỂN HÒN CAU, BÌNH THUẬN

Trần Thị Minh Hằng, Phạm Hòa Thành, Đỗ Hà Anh, Võ Hồng Ngọc
Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Tóm tắt

Khu bảo tồn biển Hòn Cau thuộc vùng biển huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, là một trong 16 Khu bảo tồn biển (KBTB) của Việt Nam. Đây là KBTB được đánh giá cao về đa dạng sinh học (ĐDSH) thể hiện ở sự đa dạng của thủy sinh vật, động vật đáy, rong, cỏ biển, san hô, cá, động vật không xương sống kích thước lớn, thú, chim, bò sát. Rạn san hô và thảm cỏ biển phân bố xung quanh đảo là nơi sinh sống và là bãi đẻ của nhiều loài thủy sinh vật quý hiếm trong đó có rùa biển, loài động vật quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng cao. Tuy nhiên, công tác quản lý bảo tồn ĐDSH của KBTB Hòn Cau hiện nay chưa hiệu quả và chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức. Bài báo này đánh giá hiệu quả công tác bảo tồn, những khó khăn, thách thức và đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và bảo tồn ĐDSH của KBTB Hòn Cau.

Từ khóa: Đa dạng sinh học; Quản lý bảo tồn; Khu bảo tồn biển; Hòn Cau

Abstract

Evaluating management effectiveness of Hon Cau Marine Protected Area

Hon Cau Marine Protected Area (MPA) is one of total 16 government-designated MPAs in Vietnam. It locates in Tuy Phong district, Binh Thuan province. Hon Cau MPA is home to very rich biodiversity of marine fauna and flora. Coral reef and seagrass area surrounding the MPA is breeding and nursery of many marine species. Hon Cau is also one nesting site of sea turtle in Vietnam. However, the management of Hon Cau MPA is still facing many challenges such as lack of funding, lack of capacity and low awareness of local community. This paper attempts to evaluate the management effectiveness of Hon Cau MPA and proposes some solutions to improve the effectiveness of management and conservation activities in Hon Cau.

Keywords: Biodiversity; Conservation management; Marine protected area; Hon Cau

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một quốc gia ven biển với 3.260 km đường bờ biển và thềm lục địa rộng lớn ước tính khoảng 1 triệu km² cùng với hơn 3000 đảo và quần đảo lớn nhỏ. Tài nguyên biển Việt Nam có tầm quan trọng đối với đời sống chính trị, kinh tế và văn hóa của đất nước. Tuy nhiên trước áp lực của sự gia tăng dân số, phát triển kinh tế cùng với quá trình biến đổi khí hậu đang diễn ra ngày càng phức tạp, môi trường biển Việt Nam đang phải

đối mặt với nguy cơ ô nhiễm môi trường, phá hoại sinh cảnh, khai thác quá mức, ảnh hưởng xấu tới cảnh quan, môi trường, sinh thái biển và cuộc sống của người dân ven biển [1].

Trong bối cảnh đó, việc thành lập các khu bảo tồn biển (KBTB) được chứng minh là một công cụ hữu hiệu để bảo vệ và gìn giữ nguồn tài nguyên biển. Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống khu

bảo tồn biển Việt Nam đến năm 2020 đã chỉ rõ xây dựng và phát triển các KBTB phải được coi là nhiệm vụ cả trước mắt và lâu dài của các ngành, các cấp, đặc biệt là trách nhiệm và quyền lợi của cộng đồng dân cư ven biển và hải đảo. Xây dựng hệ thống khu bảo tồn không những bảo vệ được các hệ sinh thái, các loài thủy sinh vật biển có giá trị kinh tế, khoa học cao mà còn góp phần phát triển kinh tế xã hội, cải thiện sinh kế cho cộng đồng ngư dân ven biển [2].

Khu bảo tồn biển Hòn Cau thuộc vùng biển huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, là một trong 16 KBTB theo quy hoạch của Việt Nam. Đây là KBTB được đánh giá cao về đa dạng sinh học thể hiện ở sự đa dạng của thủy sinh vật, động vật đáy, rong, cỏ biển, san hô, cá, động vật không xương sống kích thước lớn, thú, chim, bò sát. Rạn san hô và thảm cỏ biển phân bố xung quanh đảo là nơi sinh sống và là bãi đẻ của nhiều loài thủy sinh vật quý hiếm trong đó có rùa biển loài động vật quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng cao [3]. Vùng biển xung quanh đảo Hòn Cau còn có trên 34 loài thủy sinh vật quý hiếm nằm trong danh mục có nguy cơ tuyệt chủng ở các mức độ khác nhau. Hòn Cau là vùng biển có các rạn san hô nguyên thủy dài hơn 2 km còn giữ được độ bao phủ cao với trên 230 loài san hô, trong đó có nhiều loài chỉ có ở vùng biển này [3]. Sự đa dạng và phong phú của tài nguyên sinh vật biển cùng cảnh quan độc đáo của KBTB Hòn Cau là nguồn thực phẩm dồi dào nuôi sống nhiều thế hệ cư dân địa phương cũng như là cơ sở quan trọng tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế trong khu vực.

Tuy nhiên hiện nay công tác quản lý bảo tồn ĐDSH của KBTB Hòn Cau chưa hiệu quả và chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức. Nghiên cứu này được thực hiện

nhằm đánh giá hiện trạng tài nguyên của KBTB Hòn Cau, Bình Thuận, đánh giá hiệu quả công tác bảo tồn biển, những khó khăn, thách thức đối với quản lý bảo tồn biển và đưa ra những giải pháp trong công tác quản lý và bảo tồn biển của KBTB Hòn Cau.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp

Số liệu thứ cấp về hiện trạng ĐDSH trong KBTB, hiện trạng khai thác, sử dụng, quản lý cũng như những mối đe dọa tác động đến khu vực nghiên cứu được thu thập chủ yếu thông qua phương pháp kế thừa, tra cứu sách báo, internet, các báo cáo khoa học được lưu giữ tại các sở, ban ngành, cơ quan có liên quan.

2.2. Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp

Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra bảng hỏi với 4 bộ câu hỏi cho 4 đối tượng phỏng vấn cụ thể như sau:

- Bộ câu hỏi dành cho cộng đồng dân cư xung quanh địa điểm nghiên cứu (40 phiếu) có nội dung chính gồm:

- Nhận thức của người dân về lợi ích có được khi KBTB Hòn Cau được thành lập tại địa phương.

- Sự tham gia của người dân vào quá trình thành lập, ra quyết định quản lý.

- Hiểu biết của cộng đồng về các quy định, nguyên tắc của KBTB.

- Nhận thức về vấn đề ô nhiễm môi trường, bảo tồn ĐDSH của người dân.

- Bộ câu hỏi dành cho Ban quản lý KBTB Hòn Cau (5 phiếu) có nội dung chính gồm:

- Nền tảng thành lập, cơ chế tài chính của KBTB Hòn Cau.

- Cơ cấu tổ chức, nhân sự, điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện của Ban quản lý.

Nghiên cứu

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý.

- Kết quả thực hiện chương trình bảo tồn rùa.

- Bộ câu hỏi dành cho cộng đồng người dân tham gia chương trình tình nguyện viên bảo tồn rùa biển (30 phiếu) có nội dung chính như sau:

- Đóng góp của tình nguyện viên đến công tác bảo tồn rùa biển.

- Những hiệu quả và thay đổi tích cực công tác bảo tồn rùa biển đem lại cho đời sống cộng đồng.

- Bộ câu hỏi dành cho khách du lịch (30 phiếu): có nội dung chính bao gồm:

- Phương tiện truyền thông giúp du khách biết đến KBTB Hòn Cau.

- Cảm nhận của khách du lịch khi đến thăm quan khu bảo tồn và mong muốn của họ trong tương lai.

- Nhận thức của khách du lịch về bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường biển nói riêng.

- Ý kiến của khách du lịch về việc KBTB Hòn Cau sẽ thu phí thăm quan trong tương lai.

Các đối tượng phỏng vấn được lựa chọn ngẫu nhiên: Từ danh sách các tình nguyện viên rùa biển qua các đợt tình nguyện, danh sách các hộ dân của 4 xã, các du khách ra tham quan trên đảo Hòn Cau và 5 cán bộ lãnh đạo và phòng Bảo tồn KBTB Hòn Cau.

2.3. Phương pháp phân tích sử dụng khung đánh giá

Nghiên cứu sử dụng khung đánh giá hiện trạng quản lý do Tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) Việt Nam xây dựng và chỉnh sửa từ “Công cụ quản lý hiệu quả KBTB tại Phillipines” và phương pháp đánh giá dựa trên minh chứng (evidence-based assessment) [4]. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, hiện trạng quản lý của KBTB Hòn Cau được đánh giá với cấp độ 1 - KBTB được thiết lập, bao gồm 7 tiêu chuẩn được tóm tắt trong Bảng 1. Mỗi tiêu chuẩn gồm các tiêu chí khác nhau được đánh giá dựa trên thang điểm từ 0 đến 3 với điểm từ 0 đến 1 là chưa đạt, từ 1 đến 2 là trung bình và từ 2 đến 3 được đánh giá là đạt. Các tiêu chuẩn được đánh giá thông qua quá trình điều tra, phỏng vấn của nhóm nghiên cứu cùng với sự tham vấn ý kiến của các cán bộ BQL KBTB Hòn Cau.

Bảng 1. Các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả quản lý KBTB Hòn Cau

STT	Tiêu chuẩn đánh giá
1	KBTB được thành lập dựa trên nền tảng vững chắc
2	Kế hoạch quản lý được xây dựng và hợp thức hóa
3	Văn bản pháp lý, cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý KBTB được hình thành và vận hành
4	Cơ sở vật chất
5	Tài chính bền vững
6	Sự tham gia của các bên liên quan
7	Thực thi pháp luật

3. Kết quả nghiên cứu về hiệu quả quản lý KBTB Hòn Cau

3.1. Đánh giá tiêu chuẩn về nền tảng thành lập KBTB Hòn Cau

Khu bảo tồn biển Hòn Cau chính

thức được thành lập theo Quyết định số 469 QĐ/UBND ngày 15/11/2010 của UBND Tỉnh Bình Thuận. Đây được xem là khu bảo tồn loài, sinh cảnh thủy sinh, đáp ứng các tiêu chí là khu vực tự nhiên, môi trường sống, sinh trưởng và phát triển

của các loại động thực vật biển có giá trị kinh tế và tầm quan trọng của quốc gia, địa phương. Mục tiêu của KBTB Hòn Cau là duy trì và bảo vệ tài nguyên ĐDSH, bảo vệ nơi quần cư của các loài sinh vật, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế và du lịch sinh thái, quản lý và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản [5].

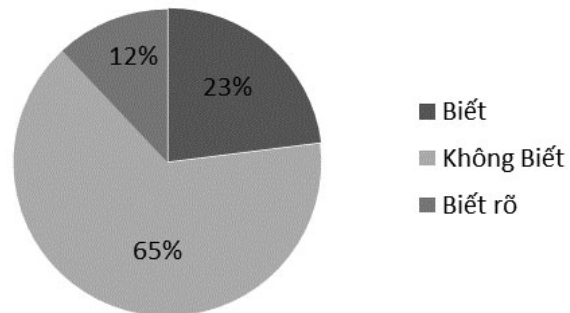
Khu bảo tồn được phân thành 4 vùng chức năng, Vùng bảo vệ nghiêm ngặt (vùng lõi) có diện tích 1.250 ha, vùng đệm có diện tích 1.210 ha, vùng phục hồi sinh thái với diện tích 808 ha, và vùng phát triển có diện tích 9.232 ha [6].

Mặc dù mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của KBTB đã được chính quyền địa phương xác định rõ ràng và đầy đủ trong các văn bản pháp lý nhưng quá trình tuyên truyền, phổ biến đến các bên liên quan, đặc biệt là cộng đồng dân cư vẫn chưa được sâu rộng. Kết quả phỏng vấn cho thấy hơn 50% người dân được hỏi chưa nhận thức rõ ràng chức năng cũng như lợi ích của KBTB mang lại.

Bên cạnh đó việc thiết lập, phân vùng KBTB chỉ có sự tham gia của chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng và các nhà khoa học mà chưa có sự tham gia chủ động của cộng đồng địa phương. Kết quả từ các phiếu phỏng vấn cộng đồng người dân tại 4 xã, thị trấn xung quanh KBTB Hòn Cau cho thấy số người hiểu biết về

các phân vùng chức năng trong KBTB Hòn Cau còn khá hạn chế chỉ đạt 12% (Hình 1).

Ngoài ra, các tài liệu cơ sở dữ liệu về đặc điểm kinh tế - xã hội, tài nguyên thiên nhiên khu vực xung quanh KBTB còn khá sơ sài, hiện trạng ĐDSH của KBTB Hòn Cau chưa được đánh giá đầy đủ, không thường xuyên được cập nhật.



Hình 1: Tỷ lệ người dân được phỏng vấn hiểu biết về phân vùng chức năng KBTB Hòn Cau

Như vậy, KBTB Hòn Cau được thành lập cơ bản đã dựa trên một nền tảng đánh giá khoa học ban đầu tuy chưa thực sự đầy đủ, với tính pháp lý cao, được chính thức thành lập và vận hành bởi chính quyền địa phương và xuất phát từ nhu cầu thực tiễn. Tuy nhiên, sự tham gia của cộng đồng vào thời điểm thành lập KBTB chưa nhiều, hiểu biết của cộng đồng về lợi ích và mục đích thành lập KBTB Hòn Cau chưa cao (Bảng 2).

Bảng 2. Đánh giá về nền tảng thành lập KBTB Hòn Cau

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm số hiện tại
1	KBTB được thành lập với nền tảng vững chắc	2.33
1.1	Mục tiêu thành lập KBTB được xác định rõ ràng	3
1.2	Thiết kế KBTB dựa trên điều kiện và nhu cầu của địa phương	3
1.3	Khái niệm và mục tiêu của KBTB được giải thích rõ ràng với các bên liên quan	1
1.4	Quá trình thiết lập và phân vùng KBTB có sự tham gia một cách chủ động của cộng đồng và chính quyền địa phương	2
1.5	BQL KBTB được chính thức thành lập bởi chính quyền trung ương, địa phương	3
1.6	Đặc điểm và các cơ sở dữ liệu ban đầu về KBTB (mô tả hiện trạng KBTB) được đánh giá đầy đủ	2

3.2. Đánh giá tiêu chuẩn về kế hoạch quản lý KBTB Hòn Cau

Ban quản lý (BQL) KBTB Hòn Cau đã xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm (2014 - 2018) có sự tham khảo từ kế hoạch quản lý của các KBTB trong nước như: Cù Lao Chàm, Cồn Cỏ,...và lấy ý kiến các ngành, các cấp và đại diện cộng đồng địa phương các xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Tân, Phước Thử và Thị trấn Liên Hương [6]. Trong kế hoạch quản lý 5 năm BQL khu bảo tồn đã xác định rõ các mục tiêu cụ thể là duy trì và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển; bảo tồn đa dạng sinh học biển; phát triển kinh tế - xã hội địa phương; nâng cao nhận thức của nhân dân về bảo vệ môi trường và bảo tồn ĐDSH biển, giúp người dân hiểu rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô và những lợi ích mang lại từ KBTB.

Bên cạnh đó BQL cũng làm rõ các tài nguyên mục tiêu được ưu tiên bảo vệ là: Rùa biển, rạn san hô, rạn đá ngầm, thảm cỏ biển, động thực vật trên đảo Hòn Cau và động thực vật thủy sinh trong các phân khu trong khu bảo tồn. Các đối tượng tài nguyên mục tiêu kể trên đang phải đối mặt với sự suy giảm số lượng loài, số lượng cá thể một cách nhanh chóng. Sự suy giảm mật độ bao phủ rạn san hô, thảm cỏ biển làm cho diện tích sinh sống của nhiều sinh vật bị thu hẹp đáng kể

Các dữ liệu trên cho thấy KBTB Hòn Cau đã chủ động xây dựng kế hoạch hành động với đầy đủ mục tiêu gắn với thực tiễn và được chính quyền thông qua. Đánh giá tiêu chuẩn về kế hoạch quản lý KBTB Hòn Cau được tổng hợp trong Bảng 3.

Bảng 3. Đánh giá về kế hoạch quản lý KBTB Hòn Cau

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm số hiện tại
2	Kế hoạch quản lý được xây dựng và hợp thức hóa	2.67
2.1	Kế hoạch quản lý được soạn thảo	3
2.2	Kế hoạch quản lý được soạn thảo với sự tham gia của các bên liên quan	2
2.3	Kế hoạch quản lý xác định rõ định hướng mục tiêu của KBTB	3
2.4	Kế hoạch quản lý được xác định rõ các tài nguyên mục tiêu cần được ưu tiên bảo vệ và các mối đe dọa đến tài nguyên này	3
2.5	Kế hoạch quản lý xác định rõ các chương trình quản lý (chương trình truyền thông, tuần tra kiểm soát,...)	2
2.6	Kế hoạch quản lý được chính quyền địa phương thông qua và hợp thức hóa	3

3.3. Tiêu chuẩn về văn bản pháp lý, cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý KBTB

Ban quản lý KBTB Hòn Cau trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, được giao nhiệm vụ phối hợp với các ban ngành và địa phương tham gia quản lý tất cả mọi hoạt động trong phạm vi khu bảo tồn theo quy chế quản lý KBTB được UBND tỉnh phê duyệt và ban hành. BQL KBTB có tư cách pháp nhân, trụ sở, con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật hiện hành [7].

BQL cũng chia sẻ thẩm quyền bằng các cơ chế phối hợp với bên liên quan như: Chi cục Thủy sản Bình Thuận, Đoàn biên phòng Liên Hương, Ban chỉ huy quân sự huyện Tuy Phong nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nhà nước, của Tỉnh để ngư dân được biết nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật; xử lý nghiêm minh các đối tượng vi phạm và ngăn chặn có hiệu quả tình trạng khai thác, mua bán, vận chuyển san hô, các loài rùa biển trái phép, giã cào bay sai

tuyến, sử dụng chất nổ và một số hành vi vi phạm khác trong khai thác thủy sản, tình hình an ninh trật tự tại khu vực bảo tồn biển Hòn Cau [8].

Hiện tại BQL KHBT Hòn Cau có 13 thành viên trong đó 8 người có trình độ đại học trở lên. Hầu hết nhân lực hiện tại của BQL đều có kiến thức chuyên môn cơ bản về bảo tồn ĐDSH và sinh thái biển thông qua các lớp tập huấn nâng cao năng

lực quản lý được tổ chức bởi các tổ chức phi chính phủ và chính quyền địa phương. Tuy vậy việc tiếp cận được các lớp tập huấn là khá khó khăn do thiếu kinh phí tham gia và nhiều khóa tập huấn chưa đáp ứng được nhu cầu của cán bộ BQL. Tất cả các nhân viên trong BQL KBTB Hòn Cau đều là người dân địa phương chính vì vậy họ rất hiểu về văn hóa địa phương cũng như tâm lý, nguyện vọng và mong muốn của cộng đồng ngư dân tại đây.

Bảng 4. Đánh giá về văn bản pháp lý, cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý KBTB Hòn Cau

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm số hiện tại
3	Văn bản pháp lý, cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý	2.6
3.1	KBTB có Ban quản lý	3
3.2	Chức năng nhiệm vụ của BQL rõ ràng được thực hiện	3
3.3	BQL KBTB phối hợp với các cơ quan chức năng khác	3
3.4	KBTB đủ nhân lực phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ quản lý	2
3.5	Các cán bộ KBTB có kỹ năng và kiến thức phù hợp để thực hiện hiệu quả kế hoạch quản lý	2
3.6	Có cơ chế cho cộng đồng và các bên liên quan gia vào hoạt động quản lý KBTB	3
3.7	KBTB có đủ thẩm quyền về pháp lý	1
3.8	Có các chính sách hỗ trợ KBTB	3
3.9	KBTB có các thỏa thuận với các ban ngành có liên quan	3
3.10	Cơ cấu quản lý KBTB được thông qua và hỗ trợ bởi chính quyền địa phương, trung ương	3

Bảng 5. Đánh giá về cơ sở vật chất KBTB Hòn Cau

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm số hiện tại
4	Cơ sở hạ tầng của KBTB	1.75
4.1	Văn phòng BQL có đủ chỗ làm cho cán bộ và không gian để thực hiện các chương trình hoạt động	2
4.2	KBTB có các tiện nghi giáo dục, cơ sở vật chất để tiếp xúc với cộng đồng và công chúng	1
4.3	Có trung tâm du khách để giáo dục du khách về KBTB	0
4.4	Có các cơ sở hạ tầng cơ bản phục vụ du khách	1
4.5	Có cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động quan trắc và nghiên cứu	1
4.6	Văn phòng có các thiết bị thông tin liên lạc và có kết nối internet	3
4.7	KBTB có tàu thuyền và các phương tiện hỗ trợ tàu thuyền	3
4.8	Cơ sở vật chất và trang thiết bị được bảo dưỡng tốt, thường xuyên và luôn cập nhật để góp phần vào quản lý hiệu quả KBTB	3

3.4. Tiêu chuẩn về cơ sở hạ tầng

Hiện tại BQL KBTB Hòn Cau vẫn chưa có trụ sở chính thức mà chỉ thuê văn phòng có diện tích 120 m² với giá 120 triệu/1 năm. Diện tích văn phòng còn khá hạn chế, không đủ không gian cho nhân viên làm việc. KBTB Hòn Cau vẫn chưa có phòng truyền thống hay nhà truyền thông để tiếp xúc cộng đồng tuyên truyền nâng cao nhận thức. BQL cũng sở hữu 1 thiết bị lặn, 1 bộ đồ lặn và 1 máy nén khí phục vụ nghiên cứu khoa học và các hoạt động giám sát. Tuy nhiên, còn thiếu trang thiết bị đo đạc quan trắc chất lượng môi trường.

Về phương tiện đi lại hiện tại BQL có một phương tiện là cano 150 CV, 2 kỳ phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát và đưa đón nhân viên ra, vào đảo. Việc duy trì và bảo dưỡng cano luôn được nhân viên BQL thực hiện định kỳ và thường xuyên tuy vậy do thời gian sử dụng đã lâu, máy móc đã xuống cấp nên chi phí sử dụng và bảo dưỡng cano khá cao.

3.5. Tài chính bền vững

Khu bảo tồn biển Hòn Cau đã được thành lập đến nay được gần 10 năm tuy nhiên vấn đề tài chính vẫn đang là một trong những khó khăn mà khu bảo tồn phải đối mặt. Hiện tại KBTB Hòn Cau, Bình chỉ nhận được hỗ trợ từ nguồn ngân sách của Tỉnh. Ngân sách thường không

đủ để thực hiện các hoạt động ưu tiên của khu bảo tồn đề ra. Bên cạnh đó KBTB Hòn Cau chưa thực hiện hình thức thu phí từ khách đến tham quan khu bảo tồn dẫn đến chưa có nguồn tài chính hỗ trợ cho các hoạt động quản lý trong khu bảo tồn.

Hiện nay KBTB Hòn Cau chưa có một cơ chế tài chính bền vững nào cụ thể và việc xây dựng một cơ chế tài chính bền vững trong thời điểm hiện tại đang gặp khá nhiều khó khăn. Tuy vậy BQL khu bảo tồn đã và đang cố gắng từng bước để xây dựng và đề trình một đề án phát triển du lịch mang tên: “Phát triển du lịch sinh thái bền vững có sự tham gia của cộng đồng tại Khu bảo tồn biển Hòn Cau” nhằm mục tiêu bảo vệ loài rùa biển, nâng cao ý thức bảo tồn đa dạng sinh học nói chung, rùa biển nói riêng và hơn hết là xây dựng một cơ chế tài chính bền vững cho khu bảo tồn.

Ngoài ra, đối với các khu bảo tồn, nguồn tài trợ đến từ các tổ chức tư nhân hay các tổ chức phi chính phủ là rất hữu ích cho việc vận hành các chương trình bảo tồn. Điều này đòi hỏi chính cán bộ BQL của khu bảo tồn phải năng động, nhạy bén và có kỹ năng viết đề xuất xin tài trợ. Tuy nhiên, hiện nay KBTB Hòn Cau còn thiếu các cán bộ có chuyên môn cao, có đủ khả năng để trực tiếp đề xuất được các dự án xin tài trợ cho KBTB.

Bảng 6. Đánh giá về tài chính bền vững KBTB Hòn Cau

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm số hiện tại
5	Tài chính bền vững	1.38
5.1	Ngân sách trung ương hàng năm được phân bổ để phát triển cơ sở hạ tầng	0
5.2	Ngân sách tỉnh hàng năm được phân bổ cho các hoạt động quản lý KBTB	2
5.3	Nguồn kinh phí đủ để thực hiện các hoạt động ưu tiên hàng năm trong kế hoạch quản lý	2
5.4	Hoạt động du lịch tạo nguồn thu cho địa phương và một phần trong nguồn thu này được phân về cho KBTB	0
5.5	KBTB có chiến lược tài chính bền vững để có thêm kinh phí bù vào những phần ngân sách hạn hẹp	1

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm số hiện tại
5.6	KBTB có khả năng thu hút tài trợ từ các tổ chức tư nhân, doanh nghiệp hoặc các nguồn tài chính khác	3
5.7	Nhân viên KBTB hoặc chuyên gia tư vấn liên quan KBTB có kinh nghiệm trong việc đề xuất dự án xin tài trợ	1
5.8	Hàng năm, kinh phí phát triển cơ sở hạ tầng, tiền lương, kinh phí thực hiện các hoạt động trong kế hoạch quản lý được đáp ứng đầy đủ	2

3.6. Tiêu chuẩn về sự tham gia của các bên liên quan

Việc xác định rõ các bên liên quan cũng như vai trò của các bên là điều vô cùng quan trọng trong công tác quản lý khu bảo tồn. Những cơ quan quản lý có thẩm quyền với vùng quản lý của KBTB Hòn Cau là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Thuận, BQL KBTB Hòn Cau, Đoàn Biên phòng, Chi cục Thủy sản và Ban chỉ huy quân sự huyện Tuy Phong. Sự hợp tác quản lý giữa BQL KBTB Hòn Cau với các bên liên quan được thể hiện thông qua việc xây dựng quy chế phối hợp với các bên liên quan.

Bên cạnh các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các quỹ đầu tư quốc tế đã và đang góp phần quan trọng hỗ trợ công tác quản lý tại KBTB

Hòn Cau. Một số các dự án đã được thực hiện tại Hòn Cau có thể kể đến như: Hợp phần bảo tồn biển (Dự án LMPA - Sinh kế bền vững cho các KBTB) giai đoạn 2 do DANIDA (Cơ quan phát triển quốc tế Đan Mạch) tài trợ nhằm hỗ trợ sinh kế bền vững cho cộng đồng sinh sống trong và xung quanh KBTB; dự án do GEF (Global Environment Facility - Quỹ Môi trường toàn cầu)/UNEP (United Nations Environment Programme - Chương trình Môi trường Liên hợp quốc) tài trợ nhằm giúp xây dựng kế hoạch quản lý KBTB; Các tổ chức phi Chính phủ như WWF (World Wide Fund For Nature - Quỹ Quốc tế bảo tồn thiên nhiên), IUCN (International Union for Conservation of Nature - Tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế) hỗ trợ thực hiện chương trình bảo vệ rùa biển tại Hòn Cau [9].

Bảng 7. Đánh giá về sự tham gia của các bên liên quan tại KBTB Hòn Cau

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm số hiện tại
6	Sự tham gia của các bên liên quan	2.5
6.1	Các bên liên quan chính tới KBTB Hòn Cau được xác định rõ	3
6.2	Vai trò và thái độ của các bên liên quan về KBTB và công tác bảo tồn được đánh giá rõ ràng	3
6.3	Các bên liên quan đang tích cực tham gia vào việc thực hiện kế hoạch quản lý của KBTB	3
6.4	Các bên liên quan đang tích cực tham gia vào quá trình ra quyết định quản lý	3
6.5	Có một hay nhiều đại sứ KBTB để quảng bá và ủng hộ công khai về KBTB	0
6.6	Có mối quan hệ vững chắc với các bên liên quan tại địa phương và họ ủng hộ KBTB	3

Ngoài ra, cộng đồng ngư dân địa phương sinh sống xung quanh KBTB Hòn Cau cũng đóng vai trò vô cùng quan trọng vào quá trình ra quyết định quản lý và giám sát thực thi hoạt động quản lý của các cơ quan chức năng. Đội tình nguyện của địa phương đã được thành lập nhằm tham gia tuyên truyền, giám sát việc chấp hành quy định về bảo vệ môi trường, tài nguyên biển của cộng đồng dân cư. Từ khi được thành lập các thành viên trong đội luôn tích cực tham gia các khóa tập huấn tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo tồn biển và bảo vệ môi trường và hỗ trợ đắc lực cho BQL trong công tác tuần tra, giám sát cả trên đất liền và trên biển.

Tuy nhiên, KBTB Hòn Cau hiện chưa có một đại sứ KBTB, là những nhân vật có tầm ảnh hưởng rộng lớn, ủng hộ công khai KBTB. Hình ảnh và giá trị KBTB Hòn Cau vì vậy chưa được quảng bá một cách rộng rãi để thu hút được nhiều sự quan tâm hơn của cộng đồng.

3.7. Tiêu chuẩn về thực thi pháp luật

Việc triển khai và thực hiện quy chế quản lý các hoạt động trong KBTB Hòn Cau được thực hiện theo Quyết định số 42/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Thuận, nghị định 103/2013/NĐ-CP của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản, quy chế phối hợp và quy chế của KBTB. BQL cùng các bên liên quan có kế hoạch thực thi pháp luật rõ ràng, đẩy mạnh công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trong Khu bảo tồn như khai thác san hô trái phép và sử dụng chất nổ để khai thác thủy sản và một số hành vi khác như kích điện, lặn trái phép, giã cào bay sai tuyến.

Bên cạnh đó, cán bộ BQL không ngừng được nâng cao nhận thức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thực thi pháp luật cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo tồn

biển, thông qua đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, tham quan học tập kinh nghiệm về quản lý bảo tồn biển. BQL KBTB Hòn Cau trang bị đầy đủ các thiết bị hoạt động cho Đội tuần tra bảo tồn biển.

Cán bộ BQL đã thực hiện thả phao phân vùng chức năng theo kế hoạch. Chủ động thả 30 phao, cờ hiệu tại vùng lõi khu bảo tồn và thiết lập hệ thống phao neo phân vùng, giúp phân định các phân vùng chức năng, các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng lõi rạn san hô của KBTB Hòn Cau. Đây là công việc rất cần thiết và quan trọng trong công tác bảo vệ và phát triển ĐDSH của khu bảo tồn. Đồng thời phao phân vùng giúp hoạt động tuần tra đạt hiệu quả cao hơn. Cán bộ trong BQL nắm rõ các vùng chức năng, cũng như các quy định của KBTB Hòn Cau trong hoạt động bảo vệ môi trường, sinh thái biển bên cạnh hoạt động khai thác, phát triển sinh kế của cộng đồng địa phương.

Kế hoạch tuần tra, giám sát được phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đồng chí trong đội để thường xuyên có mặt trên đảo. Mỗi đội bao gồm 2 người thực hiện chuyển công tác 7 ngày tại đảo Hòn Cau. Công tác tuần tra trên bờ gồm 4 người thuộc đội tuần tra của BQL phối hợp với 2 cán bộ thuộc Tổ công tác Biên phòng Vĩnh Tân. Công tác tuần tra trên biển phối hợp tốt với Trạm bảo vệ nguồn lợi thủy sản Tuy Phong, Đoàn biên phòng Liên Hương, Ban chỉ huy quân sự huyện Tuy Phong thực hiện công tác tuần tra, kiểm soát bảo vệ nguồn lợi thủy sản khu vực vùng biển Tuy Phong, công tác bảo tồn và giữ gìn vệ sinh môi trường tại đảo Hòn Cau [10, 11, 12].

Trong 2 năm 2012 - 2013, BQL KBTB Hòn Cau đã phối hợp với các bên liên quan tổ chức các đợt tuần tra trên biển, xử lý gần 50 vụ vi phạm như: giã cào bay, xung điện, chất nổ, lặn trái phép,...đã

hạn chế các hoạt động khai thác thủy sản trái phép trong khu vực bảo tồn. Công tác kiểm tra trên bờ đã triển khai trên 12 đợt kiểm tra nhằm ngăn chặn và xử lý tình trạng khai thác, mua bán, vận chuyển san hô trái phép của các hộ dân trên địa bàn xã Vĩnh Tân huyện Tuy Phong.

Năm 2014, KBTB Hòn Cau đã phối hợp lập biên bản, bắt giữ và xử lý 48 trường hợp; thực hiện tiêu hủy và dỡ bỏ trên 10 sạp san hô cảnh, tịch thu trên 01 tấn san hô các loại; xử phạt 07 trường hợp giã cào bay và 01 vụ sử dụng chất nổ để khai thác thủy sản. Đến thời điểm hiện nay tình hình mua bán, tàng trữ san hô trái phép tại xã Vĩnh Tân đã giảm đáng kể so với trước đây.

Kết quả trong năm 2017 đã triển khai phối hợp xử lý 15 trường hợp, xử phạt

trên 100 triệu đồng, trong đó: Thuyền hành nghề giã cào hoạt động sai tuyến có 03 trường hợp; Các thuyền hành nghề lặn hải đặc sản có 07 trường hợp; Thuyền thúng khai thác bằng xung điện có 05 trường hợp.

Hiện tại các cán bộ thuộc BQL KBTB Hòn Cau vẫn tiếp tục duy trì công tác kiểm tra, kịp thời triển khai lực lượng kiểm tra đột xuất nhằm ngăn chặn, xử lý hiệu quả việc mua bán, vận chuyển san hô trái phép, khai thác hệ sinh cảnh của các tổ chức, cá nhân địa bàn huyện Tuy Phong. Tiếp tục phối hợp với lực lượng Đoàn Biên phòng Liên Hương, Công an xã tiếp tục tuyên truyền sâu rộng đến từng đối tượng, hộ mua bán san hô trái phép, khai thác hải sản bằng giã cào bay quanh KBTB Hòn Cau.

Bảng 8. Bảng đánh về thực thi pháp luật tại KBTB Hòn Cau

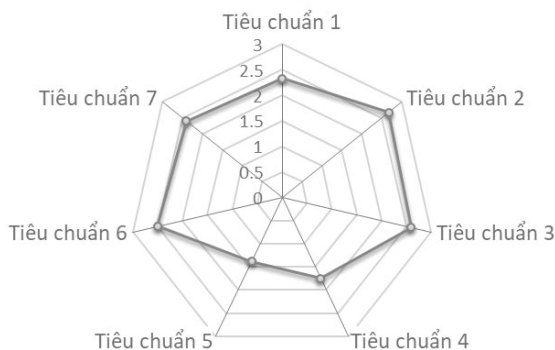
Tiêu chí	Tiêu chí đánh giá	Điểm số hiện tại
7	Thực thi pháp luật	2.4
7.1	KBTB có kế hoạch thực thi pháp luật	3
7.2	Cán bộ thực thi pháp luật của KBTB được đào tạo về các thủ tục và cách thức thực thi	2
7.3	Các cán bộ thực thi pháp luật nắm vững ranh giới phân vùng chức năng và các quy định của KBTB	3
7.4	Tuần tra giám sát được tiến hành thường xuyên và liên tục trên biển và trên đất liền khi cần thiết	2
7.5	Những người vi phạm bị lập biên bản và bắt giữ xử lý theo pháp luật	2

3.8. Tổng kết kết quả đánh giá hiệu quả quản lý

Hiệu quả công tác quản lý KBTB Hòn Cau trong giai đoạn “KBTB được thành lập” được đánh giá qua 7 tiêu chuẩn cho kết quả điểm trung bình là 2.28/3. Tiêu chí 2 về việc xây dựng kế hoạch quản lý đạt kết quả cao nhất với điểm đánh giá trung bình là 2.67. Các tiêu chuẩn được đánh giá thấp nhất trong công tác quản lý của KBTB Hòn Cau lần lượt là tiêu chuẩn 5 về Tài chính bền vững và tiêu chuẩn 4

về Cơ sở hạ tầng. Kết quả đánh giá cho thấy KBTB Hòn Cau chưa có được nguồn hỗ trợ kinh phí và cơ chế tài chính bền vững để thực hiện các hoạt động quản lý. Kinh phí trực tiếp từ Trung ương chưa có trong khi nguồn kinh phí từ Tỉnh lại khá hạn chế khiến cho công tác quản lý gặp khá nhiều khó khăn trong triển khai các chương trình và hoạt động. BQL KBTB Hòn Cau đã xây dựng và đệ trình đề án thu phí từ khách du lịch thăm quan và đang chờ được phê duyệt trong tương lai.

Đây được kỳ vọng là giải pháp giúp cho BQL tự chủ hơn về tài chính. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất cũng chưa được đầu tư thỏa đáng. Việc tuần tra giám sát và thực thi pháp luật cũng là một vấn đề cần cải thiện trong thời gian tới khi nguồn nhân lực, sự phối hợp và các phương tiện, trang thiết bị hỗ trợ tuần tra được đầu tư nâng cấp.



Hình 2: Điểm đánh giá hiệu quả quản lý KBTB Hòn Cau

4. Kết luận

KBTB Hòn Cau đã thành lập được gần 10 năm, dựa trên một nền tảng vững chắc, có sự tham gia hỗ trợ của các bên liên quan trong quá trình quản lý và thực hiện các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học nói chung cũng như bảo tồn loài rùa biển nói riêng. Quá trình thực hiện hoạt động quản lý nhằm bảo tồn đa dạng sinh học tại đây hiện vẫn còn gặp khá nhiều khó khăn và thách thức khiến hoạt động bảo tồn chưa đem lại hiệu quả như kỳ vọng. Thứ nhất, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học còn khá thiếu thốn, đặc biệt là trang thiết bị phục vụ hoạt động quan trắc chất lượng môi trường. Thứ hai, nguồn ngân sách từ trung ương và địa phương cung cấp cho khu bảo tồn còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc thực hiện các hoạt động ưu tiên khu bảo tồn biển đã đề ra. Thứ ba, nguồn nhân lực của BQL hiện đang thiếu cả về chất

lượng và số lượng. Đội tuần tra kiểm soát hiện chỉ có 4 thành viên con số quá khiêm tốn so với một KBTB rộng đến 12.500 ha. Thứ tư, công tác bảo vệ môi trường biển cũng như bảo tồn đa dạng sinh học chưa nhận được sự quan tâm đúng mực từ phía các cấp, các ngành. Tình trạng phát triển kinh tế ồ ạt, thiếu quy hoạch khiến vấn đề ô nhiễm môi trường biển và đất liền ngày càng trở nên nghiêm trọng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác bảo tồn. Bên cạnh đó việc được giao thẩm quyền khá hạn chế cũng là một nguyên nhân khiến KBTB hoạt động chưa hiệu quả.

Để nâng cao hiệu quả quản lý của KBTB Hòn Cau cần thực hiện nhiều giải pháp kết hợp đồng bộ, có hiệu quả rõ ràng và mang tính đặc thù cho Hòn Cau. Các giải pháp cần ưu tiên nhất trong giai đoạn tới của Hòn Cau bao gồm đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về KBTB và bảo vệ môi trường; Đào tạo và nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý cũng như cán bộ công nhân viên để thực hiện việc thực thi pháp luật và triển khai các công việc chuyên môn; Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế để tận dụng các hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý của KBTB.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trần Thị Minh Hằng và Chou Loke Ming (2019). *Evaluating the effectiveness of integrated coastal management initiatives in Vietnam*. Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường, số 25.
- [2]. Chính phủ Việt Nam (2010). *Quyết định số 742/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống khu bảo tồn biển Việt Nam đến năm 2020*.
- [3]. Lưu Thế Anh, Nguyễn Đình Kỳ và Hà Quý Quỳnh (2011). *Bảo tồn đa dạng sinh học khu bảo tồn biển Hòn Cau - Cà Ná*. Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái

và tài nguyên sinh vật lần thứ 4.

[4]. Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế IUCN (2008). *Hướng dẫn quản lý khu bảo tồn thiên nhiên. Một số kinh nghiệm và bài học quốc tế.*

[5]. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (2010). *Quyết định số 2606/QĐ-UBND Về việc thành lập khu bảo tồn biển Hòn Cau.*

[6]. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (2014). *Quyết định số 1728/QĐ-UBND thực hiện Kế hoạch quản lý 05 năm (2014 - 2018) của Ban quản lý KBTB Hòn Cau.*

[7]. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (2011). *Quyết định số 469/QĐ-UBND về việc thành lập và ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, biên chế và mối quan hệ công tác của Ban quản lý Khu bảo tồn biển Hòn Cau.*

[8]. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (2012). *Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế quản lý các hoạt động*

trong Khu bảo tồn biển Hòn Cau, tỉnh Bình Thuận.

[9]. Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế IUCN (2017). *Báo cáo tổng kết Chương trình tình nguyện viên bảo tồn rùa biển Hòn Cau năm 2017.*

[10]. Kế hoạch phối hợp số 06/KHPH-BQLKBTBHC-CCTS, ngày 21/02/2017 giữa Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Hòn Cau và Ban Chỉ cục Thủy sản Bình Thuận.

[11]. Kế hoạch phối hợp số 07/KHPH-BQLKBTBHC-ĐBPPLH, ngày 21/02/2017 giữa Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Hòn Cau và Đoàn biên phòng Liên Hương.

[12]. Kế hoạch phối hợp số 08/KHPH-BQLKBTBHC-BCHQS, ngày 21/02/2017 giữa Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Hòn Cau và Ban CHQS huyện Tuy Phong.

BBT nhận bài: 02/6/2020; Phản biện xong: 15/6/2020; Chấp nhận đăng: 26/6/2020